

STT	HOC KỶ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC NHÓM KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI							YÊU CẦU CHỈ TIẾT MÔN HỌC (NEU CÓ) phông học hay địa điểm học	TỔ BỐ MÔN THUỘC KHÓA BAN CHUYÊN MÔN											
						PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI														
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TP/TH	ĐỒ ANH/T.	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TU HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TP/TH	ĐỒ ANH/T.	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP			TU HỌC	QUA TRÌNH	GIỮA KỶ	CUỐI KỶ	K/TRA GIỮA KỶ	THI CUỐI KỶ	K/TRA GIỮA KỶ	THI CUỐI KỶ			
07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34									
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34			
01	HK1	EE13107	Tìm học cho ngành Điện	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TH	TH	60	90	[PM]	[EE01]		
02	HK1	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuẩn)	[1]	BB	4[3.1.8]	4	3	1	0	0	0	0	0	8	60	45	15	0	0	0	0	0	0	120	10	30	60	TL	TL	45	90	[LT]	[GS03]		
03	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]		
04	HK1	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]		
05	HK1	EE09037	Thực tập Điện	[3]	BB	2[0.2.3]	2	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	0	45	50	0	50		TH		30	[TH]	[EE00]		
06	HK1	EE13103	Mạch điện	[3]	BB	4[3.1.8]	4	3	1	0	0	0	0	0	8	60	45	15	0	0	0	0	0	0	120	30	20	50	TL	TL	90	120	[LT]	[EE01]		
07	HK1	EE13104	Thí nghiệm Mạch điện	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE01]		
08	HK1	EE14101	Nhập môn kỹ thuật Điện - Điện tử	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE01]		
09	HK2	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	30		70					[SA]	[GS09]		
10	HK2	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	30		70						[SA]	[GS09]	
11	HK2	EE23107	Vật lý cho ngành điện	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50						[LT]	[EE02]	
12	HK2	EE23108	Thí nghiệm Vật lý cho ngành điện	[1]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH					[TN]	[EE02]
13	HK2	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vector)	[1]	BB	4[3.1.8]	4	3	1	0	0	0	0	0	8	60	45	15	0	0	0	0	0	0	120	10	30	60	TL	TL	45	90	[LT]	[GS03]		
14	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]		
15	HK2	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
16	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
17	HK2	EE23101	Ngôn ngữ lập trình C/C++	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]		
18	HK2	EE23102	Thực hành Ngôn ngữ lập trình C/C++	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[PM]	[EE02]		
19	HK2	EE23203	Điện tử 1	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]		
20	HK2	EE23204	Thí nghiệm Điện tử 1	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE02]		
21	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	30		70					[SA]	[GS09]		
22	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	30		70					[SA]	[GS09]		
23	HK3	EE13105	Toán kỹ thuật điện	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	10	30	60	TL	TL	60	90	[LT]	[EE01]		
24	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]		
25	HK3	GS79007	Chú nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
26	HK3	EE09038	Vẽ kỹ thuật với CAD	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TH	TH	60	90	[PM]	[EE00]		
27	HK3	EE09039	Thực tập Điện tử	[3]	BB	2[0.2.3]	2	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	0	45	50	0	50		TH		90	[TH]	[EE00]		
28	HK3	EE23201	Tin hiệu và hệ thống	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]		
29	HK3	EE23205	Kỹ thuật số	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]		
30	HK3	EE23206	Thí nghiệm Kỹ thuật số	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE02]		
31	HK4	MO3002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	0	240				TH+TN					[QP]	[M000]	
32	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]		
33	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng Sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
34	HK4	EE13303	Kỹ thuật đo	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE01]		



STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHUẾ KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	Mô hình số tín chỉ										Phân bố số tiết									PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRƯỚC KHAI MÔN HỌC (nếu có) phỏng học hay địa điểm học	TỔ SỐ MÔN THUỘC KHOA SẴN CHUẨN MÔN	
						MÔ TẢ TÊN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH	ĐỒ AN/BL	LUẬN AN	TỐT NGHIỆP	TU HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH	ĐỒ AN/BL	LUẬN AN	TỐT NGHIỆP	TU HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ			THI CUỐI KỲ
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
35	HK4	EE13304	Thí nghiệm Kỹ thuật đo	[3]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE01]
36	HK4	EE23209	Điện tử 2	[3]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]
37	HK4	EE23210	Thí nghiệm Điện tử 2	[3]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE02]
38	HK4	EE23211	Vì xử lý	[3]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	CH	CH	60	60	[LT]	[EE02]
39	HK4	EE23212	Thí nghiệm Vì xử lý	[3]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE02]
40	HK4	EE23213	Hệ thống điều khiển tự động	[3]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]
41	HK4	EE23214	Thí nghiệm Hệ thống điều khiển tự động	[3]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE02]
42	HK5	BA19009	Xác suất thống kê	[1]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA01]
43	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	IB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
44	HK5	EE13301	Quản lý doanh nghiệp nhỏ	[3]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	BC	TL		90	[LT]	[EE01]
45	HK5	EC63201	Hệ thống viễn thông	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC06]
46	HK5	EC63303	Truyền số liệu	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	CH	CH	60	90	[LT]	[EC06]
47	HK5	EC63305	Máy tính và mạng	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[EC06]
48	HK5	EC63306	Thực hành Mạng máy tính	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		60	[TH]	[EC06]
49	HK5	EE23301	Điện tử công suất	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	90	90	[LT]	[EE02]
50	HK5	EE23302	Thí nghiệm Điện tử công suất	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EE02]
51	HK6	EE23303	Xử lý tín hiệu số	[3]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE02]
52	HK6	EE23304	Thí nghiệm Xử lý tín hiệu số	[3]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50	CH	TH	60	30	[TN]	[EE02]
53	HK6	EC63301	Âng ten truyền sóng	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	75	75	[LT]	[EC06]
54	HK6	EC73417	Hệ thống thông tin quang	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]
55	HK6	EC73418	Thí nghiệm Thông tin quang	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		45	[TN]	[EC07]
56	HK6	EC83301	Đồ án môn học 1	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15					DA			[CD]	[EC08]
57	HK6	EE09036	Môn học tự chọn 1_Chuyên ngành	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90								[LT]	[EE00]
58	HK6	EE73423	Hệ thống nhúng	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE07]
59	HK6	EE73428	Thực hành Hệ thống nhúng	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		60	[TN]	[EE07]
60	HK7	EC53401	Kỹ thuật chuyên mạch	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	90	90	[LT]	[EC05]
61	HK7	EC53402	Thí nghiệm Kỹ thuật chuyên mạch	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		60	[TN]	[EC05]
62	HK7	EC53403	Điện tử thông tin	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	90	90	[LT]	[EC05]
63	HK7	EC53404	Thí nghiệm Điện tử thông tin	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EC05]
64	HK7	EC73415	Lập trình cho thiết bị di động	[4]	IB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	BC	TL	60	90	[LT]	[EC07]
65	HK7	EC83402	Đồ án môn học 2	[4]	IB	1[0.1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15					DA			[CD]	[EC08]
66	HK7	EE09045	Môn học tự chọn 2_Chuyên ngành	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90								[LT]	[EE00]
67	HK7	EE09048	Môn học tự chọn 3_Chuyên ngành	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90								[LT]	[EE00]
68	HK8	EE09049	Môn học tự chọn 4_Chuyên ngành	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90								[LT]	[EE00]



STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHUẾ KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phông học hay đa môn học	TỔ BỐ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN					
						PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC KIỂM TRA - THI		THỜI GIAN KIỂM TRA - THI							
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/NT/TH	ĐỒ AN/BL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/NT/TH	ĐỒ AN/BL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	QUA TRÊN	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	KIỂM TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ	KIỂM TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ									
07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34													
69	HK8	EC09151	Thực tập tốt nghiệp	[5.1]	TN	4[0.4.4]	4	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	4	120	0	0	0	120	0	0	0	0	0	0	60	0	0	100		BC			[NT]	[EC00]
70	HK8	EC83420	Đồ án/Chou luận tốt nghiệp	[5.3]	TN	5[0.5.5]	5	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	0	5	225	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100		DA		[CD]	[EC08]		
DANH SÁCH MÔN HỌC TỰ CHỌN																																								
01	HK*_TC	CE43201	Thiết kế số với DDL	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[CE04]	
02	HK*_TC	CE43202	Thực hành Thiết kế số với DDL	[4]	TC	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		60	[TH]	[CE04]	
03	HK*_TC	CE53403	IoT	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[CE05]	
04	HK*_TC	CE73325	Xử lý ảnh	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[CE07]	
05	HK*_TC	EC53405	Thiết kế mạng	[4]	TC	4[2.2.8]	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	60	30	30	0	0	0	0	0	0	120	30	20	50	TL	TL	90	90	[LT]	[EC05]		
06	HK*_TC	EC63307	Mạng Microsoft	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	90	90	[LT]	[EC06]		
07	HK*_TC	EC63308	Thực hành Mạng Microsoft	[4]	TC	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		60	[TH]	[EC06]		
08	HK*_TC	EC73401	Công nghệ Chip	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	45	60	[LT]	[EC07]		
09	HK*_TC	EC73402	Thí nghiệm Công nghệ Chip	[4]	TC	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	0	15	50	0	50		TH		30	[TN]	[EC07]		
10	HK*_TC	EC73403	Truyền hình internet	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
11	HK*_TC	EC73405	Xử lý số tín hiệu năng cao	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
12	HK*_TC	EC73407	Kỹ thuật âm thanh	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
13	HK*_TC	EC73409	Chuyên đề Mạng Cisco	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	CH	CH	60	90	[LT]	[EC07]		
14	HK*_TC	EC73411	Mạng không dây	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
15	HK*_TC	EC73413	Chuyên đề Mạng viễn thông Việt Nam	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
16	HK*_TC	EC73419	Cấu trúc máy tính	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
17	HK*_TC	EC73421	Tổng đài IP	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
18	HK*_TC	EC73423	Thông tin di động	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
19	HK*_TC	EC73425	Thông tin vô tuyến	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
20	HK*_TC	EC73427	Mạng Linux	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
21	HK*_TC	EC73429	Sửa chữa thiết bị di động	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EC07]		
22	HK*_TC	EE73422	Trí tuệ nhân tạo	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	90	[LT]	[EE07]		

- QUY ƯỚC KÝ HIỆU:**
CỘT [05] KHÓI KIẾN THỨC
 [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
 [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
 [0.2] Giáo dục thể chất
Kiến thức giáo dục đại cương
 [1] Khoa học tự nhiên
 [2] Khoa học xã hội nhân văn
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
 [3] Cơ sở ngành
 [4] Chuyên ngành
 [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
 [5.1] Thực tập tốt nghiệp
 [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
 [5.3] Đồ án/Chou luận tốt nghiệp
 [5.4] Thi tốt nghiệp

- CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN**
 BB Môn học bắt buộc
 TC Môn học tự chọn
 TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc
 Sinh viên chọn hình thức thực hiện
- CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI**
 [VD] Thi vấn đáp
 [TN] Thi trắc nghiệm
 [TL] Thi tự luận
 [TH] Thi thực hành
 [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
 [LA] Luận án / Báo vệ Luận án
 [DA] Nộp đồ án / Báo vệ đồ án môn học
 [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2023

BAN CHỦ NHIỆM KHOA

 TS. Tăng Văn Tư

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 HIEU TRƯỞNG

 PGS. TS. Cao Hào Thi